

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 25/9/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lai
2. Ông Lê Văn Nhữn

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quây là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-DS ngày 4 tháng 8 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1962; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Bình Phong Th, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm: 1973, địa chỉ: ấp 3, xã Bình Hòa Đ, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

(bà T có mặt, bà K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày như sau:

Vào ngày 26/6/2022, bà Lê Thị K có vay tiền của bà Phạm Thị T với số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) khi vay hai bên thỏa thuận trong một tháng bà K sẽ trả hoàn tất số tiền trên. Lúc vay tiền của bà T, bà K làm giấy mượn nợ cho bà T và hứa trả tiền đúng thời hạn. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền cho bà T, thì bà K không trả như đã thỏa thuận. Nhiều lần bà T yêu cầu bà K phải trả cho bà T số

tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), nhưng bà K không trả mà cứ hẹn hết lần này đến lần khác cho đến nay vẫn không trả. Việc bà Lê Thị K vay tiền, nhưng không trả đúng thời gian đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T rất nhiều.

Vì vậy, nay bà T yêu cầu bà K phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ngoài ra bà Phạm Thị T không yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị K trả số tiền gốc là 100.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 14/8/2023 bà Lê Thị K thừa nhận nợ và xin trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 7.000.000đ trả cho đến khi hết nợ, nhưng bà Phạm Thị T không đồng ý mà yêu cầu trả một lần trong thời gian sớm nhất.

Bị đơn bà Lê Thị K đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bà K vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, gồm có: “Biên nhận tiền ngày 26/6/2022” ; Bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Phạm Thị T cung cấp “Biên nhận tiền ngày 26/6/2022”. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định bị đơn vẫn chưa trả tiền theo như thỏa thuận, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã thỏa thuận, do đó nguyên đơn khởi kiện nên xác định đây là vụ việc tranh chấp về dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, bị đơn có nơi cư trú tại: ấp 3, xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An có xác nhận của Công an xã. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MH, tỉnh LA theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Lê Thị K đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa

nhưng bà K vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung của vụ án:

[5.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng của nguyên đơn bà Phạm Thị T: Căn cứ vào Biên nhận tiền ngày 26/6/2022, hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có đủ căn cứ xác định chữ ký trong Biên nhận tiền ngày 26/6/2022 của bị đơn bà Lê Thị K là chứng cứ chứng minh và tại biên bản hòa giải ngày 14/8/2023 bà K thừa nhận có nợ bà T số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, bà K đã được Tòa án thông báo đầy đủ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà K không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà T và bà K đã xác lập hợp đồng vay tài sản, quá thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm thời hạn thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trả tiền vay gốc của bà T là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về yêu cầu trả lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T không yêu cầu tính lãi. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Lê Thị K có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với bà Lê Thị K.

Buộc bà Lê Thị K phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị K phải chịu án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu) đồng.

Bà Phạm Thị T là người cao tuổi có đơn xin miễn tạm ứng án phí đã được miễn tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Lê Thị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi